

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo các Nghị quyết của HĐND thành phố Thanh Hoá: số 155/NQ-HĐND ngày 21/4/2023; số 310/NQ-HĐND ngày 08/3/2024 về chấp thuận chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông;

Xét Văn bản số 11816/STNMT-BVMT ngày 23/12/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1949/Tr-STNMT ngày 26/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hoá (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hoá, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hoá và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND phường Phú Sơn, UBND phường Đông Tân (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng
Thông của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mở rộng đại lộ Đông Tây, đoạn từ Cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông.
- Địa điểm thực hiện: Phường Phú Sơn và phường Đông Tân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP Thanh Hóa.
- + Người đại diện: Ông Ngô Đức Nam; Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: Đường Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi dự án

Dự án Đường gom hai bên đại lộ Hùng Vương đoạn từ đường Thành Thái đến đường Trần Hưng Đạo với tổng chiều dài tuyến 2.718,96 m; trong đó:

- Điểm đầu dự án: Km0+00 tiếp nối với dự án Nâng cấp, mở rộng đại lộ Đông Tây đoạn từ Km0+00 ÷ Km0+220, đoạn qua địa phận huyện Đông Sơn; thuộc phạm vi ranh giới hành chính giữa phường Đông Tân, thành phố Thanh Hóa và thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn.
- Điểm cuối dự án: Km2+718,96 giao tại ngã tư Cầu Cao (Quốc lộ 45 Km75+450), thuộc địa phận phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.

1.2.2. Quy mô dự án

Đầu tư xây dựng khoảng 2.718,96 m đường giao thông đạt quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật giai đoạn hoàn chỉnh theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường vành đai Đông – Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến quốc lộ 1 A, cụ thể:

- Mở rộng nền đường $B_n=(27,5\div34,0)m$, mặt đường bê tông nhựa $B_m=10,5m$, vỉa hè $B_{vh}=2\times5,5=11m$, dải phân cách giữa $B_{pc}=(7,0\div13,5)m$;
- Hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước, tuynel kỹ thuật, cây xanh.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Thi công nền đường, mặt đường: Nền đào taluy thiết kế độ dốc taluy 1/1; đào đất cấp IV, đá; nền đường đào lớp 30cm; đắp đất trả đất cấp III lu lèn độ chặt $K\geq0,98$; nền đắp lèn chặt $K\geq0,95$, cao độ đáy móng $K\geq0,98$; mặt đường thiết kế đảm bảo modun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155$ Mpa gồm các lớp bê tông

nóng chảy, nhựa dính bám, nhựa thấm bám TCN, móng trên móng dưới bằng CPDD.

- Xây dựng công trình thoát nước: Sử dụng ống cống BTCT đúc sẵn có đường kính 0,6m, lắp đặt trên gờ cống và dốc dọc dẫn về các vị trí giếng thu; đường ống nước thải được thiết kế độc lập đặt dưới phần vỉa hè, chạy song song với đường ống thoát nước mưa và hào kỹ thuật

- + Công trình thoát nước ngang: Giữ nguyên hiện trạng 01 cống ngang tại Km0+235.49; xây mới 01 cống ngang tại vị trí nút giao đường vành đai phía Tây; thiết kế nối dài 10 vị trí cống ngang. Cống hộp có khẩu độ $\leq 1,5\text{m}$ và $\geq 1,5\text{m}$ bằng BTCT M300.

- + Công trình thoát nước mưa: Sử dụng ống cống tròn ly tâm đường kính 1,2m đối với đoạn từ Km0+387.84-Km1+054; đường kính 1,0m đối với đoạn từ Km1+054-Km2+067.

- Nút giao: Được thiết kế bằng cách bố trí các làn tăng, giảm tốc độ hai bên (mỗi làn rộng 3,5m) trên nhánh đường giao khi qua nút; phân làn giao thông trong nút giao bằng các đảo dẫn hướng bằng vạch sơn, biển báo.

- Đường giao dân sinh: Đối với đường ngang có mặt BTXM thì sử dụng kết cấu vượt nối bằng BTXM M300 dày 20cm. Đối với các đường giao còn lại sử dụng kết cấu vượt nối bằng BTN chặt C19 dày 6cm.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước, tuynel kỹ thuật, cây xanh.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng 85.116,3 m² đất trồng lúa 2 vụ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng, cụ thể: Giải phóng mặt bằng, đào đắp nền đường, mặt đường, thi công cống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực, dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn thi công)

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $3,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$, gồm: Nước thải rửa tay chân ($1,32 \text{ m}^3/\text{ngày}$); Nước thải nhà vệ sinh ($1,98 \text{ m}^3/\text{ngày}$); thành phần chủ yếu là: Chất rắn lơ lửng, COD, BOD₅, tổng Coliform....

- Nước thải rửa xe, thiết bị thi công hạng mục công trình phát sinh khoảng $6,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, dầu mỡ, pH cao...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường khoảng $224,97 \text{ lít/s}$; thành phần chủ yếu là: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, phương tiện thi công; vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám lớp mặt đường; thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng $26,5 \text{ kg/ngày}$, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng: Thực vật phát quang khối lượng khoảng $63,92 \text{ tấn}$; đất hữu cơ tầng đất mặt khoảng $17.023,26 \text{ m}^3$; chất thải rắn rơi vãi (đất, đá, cát) khoảng $149,47 \text{ tấn}$; sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ khoảng $14,15 \text{ tấn}$; gạch vỡ khoảng $0,83 \text{ tấn}$; đất thải (từ công đoạn đào đất không thích hợp C2; đào đất thi công hạng mục thoát nước, tuynel kỹ thuật, vỉa hè) khoảng $71.766,83 \text{ m}^3$; chất thải rắn khác khoảng $22,5 \text{ kg}$ (Nilon chống thấm, BTN, vữa xi măng,...)

3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng $33 \text{ kg/cả quá trình thi công}$.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng $410 \text{ lít/quá trình thi công}$.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu; thi công thực hiện dự án,....

3.6. Các tác động khác

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng $85.116,3 \text{ m}^2$ đất trồng lúa 2 vụ.

- Hoạt động đào đắp nền đường; hoạt động thi công các hạng mục công trình trên tuyến, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực dự án và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động tập trung đông công nhân gây ảnh hưởng, làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (giai đoạn thi công)

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Đối với nước mưa: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời kích thước $R \times C = 0,4m \times 0,4m$; hố gas tạm kích thước $D \times R \times H = 1m \times 1m \times 1m$ để thoát nước mưa, khoảng cách 100m/hố gas. Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom chảy ra sông Nhà Lê. Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°) là:

+ Vị trí 1: $X = 2191819$ (m); $Y = 577229$ (m)

+ Vị trí 2: $X = 2191153$ (m); $Y = 579093$ (m).

- Đối với nước thải xây dựng: Bố trí 01 bể lắng $3m^3$ (kích thước $D \times R \times H = 2,0m \times 1,0m \times 1,5m$) kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh, bể được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn, bên trong bể bố trí 01 phao khuấy thu váng dầu. Nước thải sau xử lý được tận dụng toàn bộ để tưới đường giảm bụi, váng dầu được thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Thu gom và xử lý tại hố lắng thể tích $2,0 m^3$ (kích thước $2,0m \times 1,0m \times 1,0m$, lót vải địa kỹ thuật HDPE) cạnh lán trại công nhân. Sau đó chảy ra mương thoát nước tạm và dẫn ra Sông Nhà Lê. Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°) là: $X = 2191109$ (m); $Y = 579167$ (m).

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Thuê 04 nhà vệ sinh di động kích thước $1.800 \times 1350 \times 2600$ (mm) để thu gom, xử lý; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian cho công nhân nghỉ ngơi hợp lý.

- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Phun nước trên công trường khi thực hiện công tác đào đắp, lu lèn, đầm nén để giảm bụi phát tán với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày; tăng số lần phun nước lên 04 lần/ngày trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên tuyến đường vận chuyển, các tuyến đường gần dự án như: đường Đại lộ Hùng Vương (giai đoạn 1), đường QL47 (đoạn tiếp giáp dự án), đường thị trấn Rừng Thông (đoạn tiếp giáp dự án), đường Vạn Lại – Yên Trường, các tuyến đường dân sinh khác,... chiều dài mỗi tuyến đường quét dọn khoảng 500m khu vực giao với dự án.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước ra khỏi công trường; được kiểm định định kỳ theo đúng quy định;

giảm tốc độ thi công, lưu lượng vận chuyển vào ban đêm và vào các giờ cao điểm buổi sáng.

4.3. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng rác thể tích 60 lít (có nắp đậy) tại công trường; 02 thùng (dung tích 60 lít/thùng) đặt tại khu vực thi công; 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích chứa 05 m³) đặt tại khu tập kết gần lán trại công nhân (diện tích 4 m²) để thu gom rác thải tập trung. Đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thực vật phát quang: được người dân thu dọn trước khi thi công, phần còn lại không thu dọn được Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đất hữu cơ tầng đất mặt: Sử dụng ngoài khuôn viên dự án, dùng để cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa tại khu vực đồng sâu trũng, thuộc các thửa đất số 272, 330, 335, 337, 350-354, 372-376, 369-458, tờ bản đồ số 14, loại đất LUC, bản đồ địa chính phường Quảng Cát đo vẽ năm 2019 tại đồng Theo Ngành thuộc phố 3, phường Quảng Cát, thành phố Thanh Hóa (được UBND thành phố Thanh Hoá chấp thuận tại Văn bản số 8418/UBND-KT ngày 26/11/2024).

+ Đất thải tập kết tạm và phơi khô khoảng 02 ngày; gạch vỡ và chất thải rắn khác được thu gom, vận chuyển cùng đất thải về bãi đổ thải của dự án. Bãi đổ thải được bố trí dưới chân núi Thung Khé, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, diện tích cho phép đổ thải là 19.786,2 m², khối lượng cho phép đổ thải khoảng 120.000 m³, chiều cao 6m (được UBND huyện Đông Sơn chấp thuận tại Văn bản số 1363/UBND-KTHT ngày 19/6/2024).

+ Chất thải rắn có thể tái chế như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4. 4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 02 thùng chứa dung tích 100 lít (trong đó 01 thùng chứa CTNH dạng lỏng và 01 thùng chứa CTNH dạng rắn) có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo nguy hại, bố trí trong góc nhà kho của lán trại diện tích khoảng 4m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải lỏng nguy hại yêu cầu hợp đồng với các cơ sở có chức năng thực hiện thay dầu và bảo dưỡng tại gara, không thực hiện ở công trường.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị giảm thanh của các máy móc gây ra tiếng ồn cao như máy khoan, máy xúc, máy ủi, xe lu...

- Kiểm tra mức độ ồn rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi

công phù hợp để mức tiếng ồn và rung động đạt tiêu chuẩn cho phép. Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Tổ chức lao động hợp lý, nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với rung động khoảng từ 20 - 30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4h; hạn chế các xe trọng tải lớn vận chuyển vật liệu vào ban đêm.

4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải phù hợp nhằm phòng chống cuốn trôi đất, đá; tuân thủ quy trình vận chuyển, đổ thải; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình thi công, bảo đảm việc đổ đất thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân tham gia thi công Dự án; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng.

- Tháo dỡ các lán trại tại công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; Sau khi tháo dỡ lán trại cần thực hiện thi công hoàn thiện phần đường thuộc diện tích này.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó các sự cố: Lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực,..;

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước

pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tháo dỡ các công trình tạm, lán trại trước khi kết thúc thi công; để thực hiện kịp thời công tác hoàn thiện phần đường thuộc diện tích này, hoàn trả mặt bằng công trình, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.